TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **464/**2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 06/9/2022.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vẹn;

2. Ông Lê Anh Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Bà S có mặt; ông Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau do mai mối, sau đó tự nguyện sống chung từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo năm 1993. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, tính tình không hợp, ông hay ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi bới vợ con. Năm 2014 bà có làm đơn xin ly hôn nhưng đã rút yêu cầu để vợ chồng hàn gắng, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng càng T trọng hơn. Ông Đ cũng đã có tình

cảm với người khác. Nay không còn tình cảm nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Ngọc T sinh năm 1998 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/5/2004. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các lời trình bày của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau và tự nguyện sống chung từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà S xin ly hôn với ông Đ với lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, tính tình không hợp, ông Đ hay ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện chửi bới vợ con. Năm 2014 bà có làm đơn xin ly hôn nhưng đã rút yêu cầu để vợ chồng hàn gắng, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Ông Đ cũng có tình cảm với người khác. Tại phiên tòa bà S vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Đ. Tòa án đã triệu tập ông Đ nhiều lần để tạo điều kiện cho ông bà hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà S, cho thấy ông Đ không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn

vợ chồng giữa bà S và ông Đ đã trầm trọng không thể hàn gắng được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 24/8/1991, Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 10/2/1998 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 29/5/2004. Các con đã trưởng thành và lao động được, bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung: Bà S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0024860 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, do vậy bà S đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên